

Do điều kiện đi làm xa và nuôi con nhỏ nên chị C yêu cầu xét xử vắng mặt chị cho đến khi kết thúc vụ án.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng trong vụ án cho anh Nguyễn Văn U nhưng anh U không có ý kiến và vắng mặt tại phiên tòa không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Phạm Thị C khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là anh Nguyễn Văn U. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; Anh U có nơi cư trú tại ấp T, xã B, huyện A, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của chị C thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị C và anh U đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ để xét xử sơ thẩm đến lần thứ 2 nhưng chị C có đơn xin xét xử vắng mặt, anh U vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự này.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị C và anh U tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện U, tỉnh Kiên Giang vào ngày 31/7/2012. Thời gian chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, hai bên cha mẹ có hàn gắn nhiều lần cho vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả nên anh chị đã ly thân khoảng 02 năm nay. Điều này phù hợp với đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân ngày 30/11/2020 của chị C. Xét thấy, trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải để chị C và anh U có điều kiện gặp nhau thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng anh U vẫn vắng mặt không lý do là không có thiện chí hòa giải đoàn tụ. Điều đó, cho thấy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị C được ly hôn với anh U.

[2.2] Về con chung: Anh chị có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Thúy An, sinh ngày 07/11/2012 và Nguyễn Thị Phương Lê, sinh ngày 15/9/2016 hiện đang ở với chị C nên cần giao cháu An và cháu Lê cho chị C được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp, do chị C không yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Anh U không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con

chung phù hợp với quy định pháp luật, không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung: Chị C xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu nên không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Chị C xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Tại xác nhận về việc không có nợ ngày 10/12/2020 chính quyền địa phương xã B cũng xác định không ai thừa kiện anh chị về nợ tại địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị C phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do chị C đã dự nộp tạm ứng án phí nên được đối trừ không phải nộp tiếp.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị Phạm Thị C và anh Nguyễn Văn U.

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị C về việc ly hôn với anh Nguyễn Văn U.

Về hôn nhân: Chị Phạm Thị C được ly hôn với và anh Nguyễn Văn U.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Thúy An, sinh ngày 07/11/2012 và Nguyễn Thị Phương Lê, sinh ngày 15/9/2016 cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng, anh U không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh U không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung phù hợp với quy định pháp luật, không ai được cản trở.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị C phải chịu 300.000 đồng. Ngày 23/11/2020 chị C đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011336 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình được chuyển thu án phí.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Chị C và anh U có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- UBND xã An Minh Bắc, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Huỳnh Phạm Lan Chi